TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 215/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phan Thị M. P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 9/4C đường a, khu phố x, phường y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Vũ G. S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 520/3 khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2016 ngày 24/02/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S là hợp pháp.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, sau đó bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống chung của Bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Vũ Huy Hoàng, sinh ngày 23/11/2011; Vũ Ngọc Tuyết, sinh ngày 30/9/2015 và Phan Nguyễn Hải Hưng, sinh ngày 24/12/2020. Giao 03 con chung cho bà Pg trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S khai không có.

[4] Về nợ chung: Bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S khai không có.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để có cơ sở giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết số Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2016 ngày 24/02/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Vũ H, sinh ngày 23/11/2011; Vũ Ngọc Tuyết, sinh ngày 30/9/2015 và Phan Nguyễn HH, sinh ngày 24/12/2020. Giao 03 con chung cho bà Pg trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định

việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: Mỗi người phải nộp 150.000 đồng và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số 0006062 ngày 19/01/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị M. P và ông Vũ G. S đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 2;
- Phòng THADS KV2;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vi Na